**BẢNG THUYẾT MINH**

**THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP LẦN ĐẦU, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP**

**CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN**

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

## **1. Cơ sở pháp lý**

### **1.1. Quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

- Điều 24 quy định:

“***Điều 24. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ***

*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để quy định:*

*1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

*2. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình.*”.

### **1.2. Quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng**

- Khoản 1, 2, 4 Điều 27 quy định:

*“****Điều 27. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép***

*1. Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này.*

*2. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.*

*...*

*4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép; thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài và các thông tin có liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã”.*

- Điều 30 quy định:

*“****Điều 30. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép***

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.”.*

## **2. Cơ sở thực tiễn**

# - Theo quy định tại Luật Các TCTD năm 2024, Chính phủ được giao quy định về điều kiện cấp Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.

# - Các nội dung liên quan đến điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân tại Luật Các TCTD năm 2024 như tiêu chuẩn, điều kiện của người quản trị, điều hành, thành viên Ban kiểm soát; Điều lệ; cơ cấu tổ chức quản lý có sự thay đổi so với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

# - Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân (Thông tư số 04) đã được thay thế bởi Thông tư số 29/2024/TT-NHNN. Tuy nhiên, nội dung liên quan đến cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) tại Thông tư số 04 chưa được quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN.

# - Hiện chưa có quy định về cấp đổi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân.

# II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ

## **1. Nguyên tắc xây dựng:**

- Bám sát quy định có liên quan về điều kiện cấp Giấy phép tại Nghị định của Chính phủ.

- Kế thừa có chọn lọc, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về cấp Giấy phép của QTDND tại Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung), đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định có liên quan tại Luật Các tổ chức tín dụng.

- Đơn giản, cụ thể, rõ ràng, thuận lợi cho đối tượng đề nghị cấp Giấy phép trong việc thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước trong việc cấp Giấy phép.

## **2. Định hướng xây dựng:**

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động cấp Giấy phép, cấp đổi Giấy phép đối với QTDND.

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

# III. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư gồm 22 Điều, chia làm 04 Chương, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung, gồm 07 Điều:

+ Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2: Đối tượng áp dụng

+ Điều 3: Giải thích từ ngữ

+ Điều 4: Thẩm quyền cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép

+ Điều 5: Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

+ Điều 6: Giấy phép

+ Điều 7: Nộp lệ phí cấp Giấy phép

- Chương II: Quy định cụ thể, gồm 06 Điều:

+ Điều 8: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu

+ Điều 9: Trình tự cấp Giấy phép lần đầu

+ Điều 10: Khai trương hoạt động

+ Điều 11: Nguyên tắc cấp đổi Giấy phép

+ Điều 12: Hồ sơ, trình tự đề nghị cấp đổi Giấy phép

+ Điều 13: Thông báo thông tin về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh

- Chương III: Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, gồm 07 Điều:

+ Điều 14: Trách nhiệm của Ban trù bị

+ Điều 15: Trách nhiệm của Trưởng Ban trù bị

+ Điều 16: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân

+ Điều 17: Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân

+ Điều 18: Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

+ Điều 19: Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

+ Điều 20: Trách nhiệm của ngân hàng hợp tác xã

- Chương IV: Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều:

+ Điều 21: Điều khoản thi hành

+ Điều 22: Trách nhiệm tổ chức thực hiện

# IV. BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ

| **STT** | **Quy định hiện hành** | **Nội dung tại dự thảo Thông tư** | **Lý do sửa đổi** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, địa bàn hoạt động, quản trị, điều hành, kiểm soát, vốn điều lệ, vốn góp, chuyển nhượng vốn góp, hoàn trả vốn góp, thành viên, đại hội thành viên, hoạt động và quyền hạn, nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Thông tư này quy định về:  1. Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép lần đầu quỹ tín dụng nhân dân.  2. Nguyên tắc, hồ sơ, trình tự cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.  3. Giấy phép.  4. Nộp lệ phí cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.  5. Khai trương hoạt động.  6. Việc thông báo thông tin về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân cho cơ quan đăng ký kinh doanh. | Phạm vi điều chỉnh được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 34 Luật Các TCTD. |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Quỹ tín dụng nhân dân.  1a. Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Quỹ tín dụng nhân dân.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân. | Chỉnh sửa lại để phù hợp với đối tượng áp dụng của Thông tư. |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |  |
|  |  | 1. Ban trù bị là một nhóm người do thành viên sáng lập lựa chọn thay mặt các thành viên sáng lập triển khai các công việc liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép. Ban trù bị phải có tối thiểu 02 thành viên trong đó có 01 thành viên là Trưởng ban. | Bổ sung khái niệm cho đầy đủ và đảm bảo thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình TCTD khác. |
|  |  | 2. Đại hội thành viên đầu tiên là đại hội của tất cả các thành viên thành lập quỹ tín dụng nhân dân được tổ chức sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:  a) Thông qua Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;  c) Thông qua các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân;  d) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | - Được chỉnh sửa trên cơ sở khoản 5 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN .  - Chỉnh sửa khái niệm “Đại hội thành lập” thành “Đại hội thành viên đầu tiên” để thống nhất với các quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình TCTD khác.  - Bỏ nội dung liên quan đến “kiểm soát viên chuyên trách” do không còn khái niệm này tại Luật Các TCTD. |
|  | 1. *Giấy phép* là Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. | 3. Giấy phép là Giấy phép thành lập và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp. Giấy phép đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. | - Chỉnh sửa lại khái niệm để đảm bảo quy định tại khoản 15 Điều 4, khoản 2 Điều 27 Luật Các TCTD.  - Căn cứ yêu cầu về nội dung của dự thảo Thông tư, khái niệm này được đưa xuống khoản 3 theo kết cấu của dự thảo Thông tư. |
|  | 2. *Thành viên quỹ tín dụng nhân dân* là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này và tán thành Điều lệ, tự nguyện tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | Không quy định | Khái niệm này đã được quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, đồng thời tại dự thảo Thông tư không có nội dung liên quan trực tiếp đến khái niệm này. |
|  | 3. *Hội nghị thành lập* là hội nghị của các thành viên tham gia góp vốn (cá nhân, người đại diện của hộ gia đình, pháp nhân), có nhiệm vụ:  a) Thông qua: Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân; Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân; Danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách), Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên;  b) Bầu Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị từ những thành viên tham gia góp vốn là những người trong Danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách), Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên và một số thành viên khác để thay mặt các thành viên góp vốn triển khai các công việc liên quan đến chấp thuận nguyên tắc việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có yêu cầu;  c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | 4. Hội nghị thành lập là Hội nghị của các thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân, có nhiệm vụ:  a) Thông qua dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân; Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân; Danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên;  b) Bầu Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị từ những thành viên sáng lập là những người trong danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên và một số thành viên khác để thay mặt các thành viên sáng lập triển khai các công việc liên quan đến chấp thuận nguyên tắc việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có yêu cầu;  c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | - Bỏ nội dung liên quan đến “kiểm soát viên chuyên trách” do không còn khái niệm này tại Luật Các TCTD.  - Căn cứ yêu cầu về nội dung của dự thảo Thông tư, khái niệm này được đưa xuống khoản 4 theo kết cấu của dự thảo Thông tư. |
|  | 4. *Ngân hàng nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính. | Không quy định | NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố đã nằm trong cơ cấu tổ chức của bộ máy NHNN do đó không cần thiết phải đưa vào phần giải thích từ ngữ. |
|  | 5. *Đại hội thành lập* là đại hội của tất cả các thành viên tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân được tổ chức sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:  a) Thông qua Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách) nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;  c) Thông qua các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân;  d) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | Đưa lên khoản 2 Điều 3 dự thảo | Căn cứ yêu cầu về nội dung của dự thảo Thông tư, khái niệm này được đưa lên khoản 2 Điều 3 theo kết cấu của dự thảo Thông tư |
|  | 6. *Vốn góp xác lập tư cách thành viên* là số vốn góp tối thiểu để xác lập tư cách thành viên khi tham gia quỹ tín dụng nhân dân. | Không quy định | Khái niện này đã được quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN, đồng thời tại dự thảo Thông tư không có nội dung liên quan trực tiếp đến khái niệm này. |
|  | 7. Vốn góp bổ sung là vốn góp thêm của thành viên (ngoài vốn góp xác lập tư cách thành viên) để quỹ tín dụng nhân dân thực hiện hoạt động kinh doanh. |
|  | **Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy phép**  Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở chính trên địa bàn. | **Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép**  Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở chính dự kiến đặt trên địa bàn. | - Kế thừa quy định về thẩm quyền cấp Giấy phép tại Thông tư số 04/2015/TT-NHNN để phù hợp với phân cấp về trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN chi nhánh.  - Bổ sung thêm quy định về thẩm quyền cấp đổi Giấy phép cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư và trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN chi nhánh. |
|  | **Điều 5. Thời hạn hoạt động** | Không quy định | Nội dung đã được quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN |
|  | **Điều 6. Tính chất và mục tiêu hoạt động** |
|  | **Điều 7. Tên của quỹ tín dụng nhân dân** |
|  | **Điều 8. Địa bàn và quy mô hoạt động** |
|  | **Điều 9. Nguyên tắc lập hồ sơ**  1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phải do Trưởng Ban trù bị ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng Ban trù bị ký phải có tiêu đề "Ban trù bị thành lập và tên của quỹ tín dụng nhân dân”.  2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân được lập 01 (một) bộ bằng tiếng Việt.  3. Bản sao giấy tờ, văn bằng phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.  Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.  4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ. | **Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ**  1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu phải do Trưởng Ban trù bị ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng Ban trù bị ký phải có tiêu đề “Ban trù bị thành lập và tên quỹ tín dụng nhân dân”.  2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.  4. Bản sao giấy tờ, văn bằng phải được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.  5. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.  6. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. | - Sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép để đảm bảo phù hợp với thực tế thực hiện.  - Chỉnh sửa kỹ thuật các nội dung để phù hợp với quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. |
|  |  | **Điều 6. Giấy phép**  1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định cụ thể nội dung hoạt động, địa bàn hoạt động, thời hạn hoạt động trong Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư này.  2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách nát, bị cháy, hư hỏng, quỹ tín dụng nhân dân phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật.  Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp bản sao từ bản gốc cho quỹ tín dụng nhân dân. | - Kế thừa nội dung Điều 14 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và chỉnh sửa một số nội dung để đảm bảo quy định tại khoản 5 Điều 126 Luật Các TCTD.  - Bổ sung nội dung quy định về cấp bản sao từ sổ gốc Giấy phép làm cơ sở cho các đơn vị thực hiện. |
|  |  | **Điều 7. Nộp lệ phí cấp Giấp phép** 1. Quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.  2. Mức lệ phí cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. | Sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều 14 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN, bổ sung nội dung liên quan đến lệ phí cấp đổi Giấy phép và hình thức nộp lệ phí cho phù hợp với thực tế và phạm vi điều chỉnh của Thông tư. |
|  | **Điều 10. Điều kiện để được cấp Giấy phép** |  |  |
|  | Quy định các nội dung về điều kiện cấp Giấy phép | Không quy định | Nội dung được quy định tại Nghị định của Chính phủ. |
|  | **Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép**  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do Trưởng Ban trù bị ký theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư này. | **Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lần đầu**  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do Trưởng Ban trù bị ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư này. | Chỉnh sửa kỹ thuật. |
|  | 2. Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua. | 2. Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua. | Giữ nguyên nội dung do không có vướng mắc phát sinh. |
|  | 3. Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua, trong đó nêu rõ:  a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;  b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này;  c) Cơ cấu tổ chức;  d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;  đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;  e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin để quản lý hoạt động, khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng và việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;  g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước;  h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm. | 3. Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua trong đó nêu rõ:  a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;  b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại [Luật các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và các quy định liên quan của pháp luật;  c) Cơ cấu tổ chức;  d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;  đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;  e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin để quản lý hoạt động, khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng và việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;  g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:  (i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;  (ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành;  (iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.  h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm. | Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo rõ ràng hơn, làm cơ sở cho các tổ chức thực hiện. |
|  | 4. Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. | 4. Danh sách nhân sự dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác. | Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo rõ ràng hơn, làm cơ sở cho các tổ chức thực hiện. |
|  | 5. Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân gồm:  a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 04 Thông tư này;  b) (hủy)  c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;  d) Lý lịch tư pháp do Sở tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;  đ) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định tại Điều 20, Điều 23, Điều 24 Thông tư này. | 5. Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân gồm:  a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu Phụ lục số 03 Thông tư này;  b) Bản sao có chứng thực các văn bằng chứng minh trình độ, chuyên môn;  c) Phiếu lý lịch tư pháp, đảm bảo các quy định sau:  (i) Phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;  (ii) Phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm quỹ tín dụng nhân dân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 tháng;  Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử theo quy định của pháp luật;d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx" \t "_blank) và quy định khác của pháp luật có liên quan. |
|  | 6. Danh sách các thành viên tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Danh sách phải được tất cả thành viên tham gia góp vốn ký xác nhận, có tối thiểu các nội dung sau:  a) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);  b) Số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện hộ gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương và số thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu của người đại diện phần vốn góp đối với thành viên là pháp nhân;  c) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên. | 6. Danh sách các thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân. Danh sách phải được tất cả thành viên sáng lập ký xác nhận, có tối thiểu các nội dung sau:  a) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);  b) Số thẻ Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân đối với thành viên là cá nhân; số thẻ Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân của người đại diện gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương và số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân của người đại diện phần vốn góp đối với thành viên là pháp nhân;  c) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định liên quan đến số định danh cá nhân. |
|  | 7. (Hủy) |  |  |
|  | 8. (Hủy) |  |  |
|  | 9. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân). | 7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân). | Giữ nguyên do không có vướng mắc. |
|  | 10. Văn bản ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn. | 8. Văn bản ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn. |
|  | 11. Văn bản ủy quyền của hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn. | 9. Văn bản ủy quyền của hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn. |
|  | 12. Báo cáo tài chính năm liền kề năm đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm ký đơn đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên là pháp nhân). | 10. Báo cáo tài chính năm liền kề năm đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm ký đơn đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên là pháp nhân). |
|  | 13. Báo cáo khả năng tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân theo quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư này. | 11. Báo cáo khả năng tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư này. | Chỉnh sửa kỹ thuật cho phù hợp. |
|  | 14. Đơn đề nghị tham gia thành viên theo mẫu tại Phụ lục số 02A, Phụ lục số 02B, Phụ lục số 03 Thông tư này. | 12. Đơn đề nghị tham gia thành viên theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. |
|  | 15. Biên bản Hội nghị thành lập. | 13. Biên bản Hội nghị thành lập thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân, danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị. | Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo rõ ràng hơn, làm cơ sở cho các tổ chức thực hiện. |
|  | 16.(Hủy) |  |  |
|  | 17. Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đã được Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân thông qua và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. | 14. Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đã được Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân thông qua và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. | Chỉnh sửa kỹ thuật cho phù hợp. |
|  | 18. Biên bản họp Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | 15. Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân về việc thông qua Điều lệ, bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát. Nghị quyết của Đại hội thành lập thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phải được các thành viên tham dự Đại hội thành lập biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số. |
|  | 19. Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách) theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận; Nghị quyết của Đại hội thành lập thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phải được các thành viên tham dự Đại hội thành lập biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số. | Gộp chung vào khoản 15 | Chỉnh sửa kỹ thuật cho phù hợp. |
|  | 20. Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc bổ nhiệm Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận. | 16. Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc bổ nhiệm Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận. | Giữ nguyên do không có vướng mắc. |
|  | 21. Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính. | 17. Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính. |
|  | 22.(Hủy) | 18. Các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng. | Bổ sung để đảm bảo chứng minh đáp ứng đầy đủ điều kiện cấp Giấy phép. |
|  | **Điều 12. Trình tự cấp Giấy phép** | **Điều 9. Trình tự cấp Giấy phép lần đầu** |  |
|  | 1a. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khai thác các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyền yêu cầu Ban trù bị cung cấp bản sao một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. | 1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khai thác các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyền yêu cầu Ban trù bị cung cấp bản sao một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. | Giữ nguyên do không phát sinh vướng mắc. |
|  | 1. Chấp thuận nguyên tắc việc thành lập:a) Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 Điều 11 Thông tư này và gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:(i) Có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;(ii) Có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã Việt Nam về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác định đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến phản đối;đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do. | 2. Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Điều 8 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tại khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận. | Sửa đổi, bổ sung theo đúng yêu cầu về việc thực hiện thủ tục hành chính. |
|  | 2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:a) Ban trù bị tổ chức Đại hội thành lập theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này;b) Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại các khoản 17, 18, 19, 20, 21 và 22 Điều 11 Thông tư này và gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.3. Cấp Giấy phép:a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;b)[11] Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.4. Sau khi được cấp Giấy phép, quỹ tín dụng nhân dân tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định tại Điều 15 Thông tư này. | 4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân, Ban trù bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 14, 15, 16, 17, 18 Điều 8 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận bằng văn bản về việc nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do không cấp Giấy phép. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ. |
|  | **Điều 13. Nội dung Giấy phép**1. Giấy phép phải có một số nội dung chủ yếu sau đây:a) Số Giấy phép; nơi cấp; ngày, tháng, năm cấp;b) Tên quỹ tín dụng nhân dân:(i) Tên đầy đủ, tên viết tắt bằng tiếng Việt;(ii) Tên giao dịch (nếu có);c) Địa điểm đặt trụ sở chính;d) Nội dung, phạm vi hoạt động;đ) Địa bàn hoạt động;e) Vốn điều lệ;g) Thời hạn hoạt động.2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định cụ thể nội dung, phạm vi hoạt động, địa bàn hoạt động, thời hạn hoạt động trong Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 07 Thông tư này. | Đưa lên Điều 6 dự thảo Thông tư. | Kết cấu lại cho hợp lý hơn. |
|  | **Điều 14. Lệ phí cấp Giấp phép**1. Mức lệ phí cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép, quỹ tín dụng nhân dân phải nộp lệ phí cấp Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.3. Khoản lệ phí cấp Giấy phép quy định tại khoản 2 Điều này không được khấu trừ vào vốn điều lệ và không được hoàn lại trong mọi trường hợp. | Đưa lên Điều 7 dự thảo Thông tư. | Kết cấu lại cho hợp lý hơn. |
|  | **Điều 15. Khai trương hoạt động** | **Điều 10. Khai trương hoạt động** |  |
|  | 1. Quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải tiến hành đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. | Không quy định | Để phù hợp với quy định về Giấy phép tại khoản 2 Điều 27 và điều kiện khai trương hoạt động tại Điều 34 Luật Các TCTD. |
|  | 2. Quỹ tín dụng nhân dân phải khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép và chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động. | Đưa xuống khoản 3 Điều này | Kết cấu lại cho hợp lý hơn. |
|  | 3. Trước khi khai trương hoạt động 10 ngày làm việc, quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài truyền thanh hoặc đài phát thanh xã nơi đặt trụ sở chính trong 03 (ba) ngày liên tiếp và đăng trên một tờ báo của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong 03 (ba) số liên tiếp về:a) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính;b) Số, ngày cấp Giấy phép; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; nội dung, phạm vi hoạt động, thời hạn và địa bàn hoạt động;c) Vốn điều lệ;d) Người đại diện theo pháp luật;đ) Danh sách và tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng thành viên tham gia thành lập quỹ tín dụng nhân dân;e) Ngày dự kiến khai trương hoạt động. | 1. Quỹ tín dụng nhân dân phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), thông báo trên đài truyền thanh hoặc đài phát thanh xã nơi đặt trụ sở chính trong 03 ngày liên tiếp và đăng trên một tờ báo của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước khi ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây:a) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính;b) Số, ngày cấp Giấy phép;c) Nội dung hoạt động, thời hạn hoạt động, địa bàn hoạt động;c) Vốn điều lệ;d) Người đại diện theo pháp luật;đ) Danh sách và tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng thành viên sáng lập quỹ tín dụng nhân dân;e) Ngày dự kiến khai trương hoạt động. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định về công bố thông tin tại Điều 33 Luật Các TCTD và đảm bảo phù hợp với quy mô hoạt động của QTDND. |
|  | 4. Điều kiện khai trương hoạt động:Quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép chỉ được khai trương hoạt động khi có đủ các điều kiện sau đây:a)[12] Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; có đủ vốn điều lệ được gửi vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động, vốn điều lệ được chấm dứt phong tỏa khi quỹ tín dụng nhân dân đã khai trương hoạt động;b) Có trụ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động;c) Đã công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều này;d) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động;đ)[13] Có các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân. | 2. Để khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:a) Đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được cấp có thẩm quyền thông qua;b) Có đủ vốn điều lệ; có kho tiền, trụ sở đủ điều kiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;c) Có cơ cấu tổ chức quản lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;đ) Có quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; quy định nội bộ về quản lý rủi ro;e) Vốn điều lệ bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ được giải tỏa khi quỹ tín dụng nhân dân đã khai trương hoạt động.g) Đã công bố thông tin về khai trương hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định về điều kiện khai trương hoạt động tại Điều 34 Luật Các TCTD và phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước của NHNN chi nhánh. |
|  |  | 3. Quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ truyền thông) để công bố trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước về Giấy phép hết hiệu lực. | Sửa đổi, bổ sung trên cơ sở khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và đảm bảo phù hợp với quy định về điều kiện khai trương hoạt động tại Điều 34 Luật Các TCTD và phân cấp thẩm quyền quản lý của NHNN, NHNN chi nhánh. |
|  | 5. Ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản về các điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 4 Điều này, gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đình chỉ việc khai trương hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân khi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này. | 4. Quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (Bộ phận Một cửa) văn bản thông báo về việc đáp ứng điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 3 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đình chỉ việc khai trương hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân khi không đủ các điều kiện khai trương hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung trên cơ sở khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và đảm bảo phù hợp với quy định về điều kiện khai trương hoạt động tại Điều 34 Luật Các TCTD và phân cấp thẩm quyền quản lý của NHNN, NHNN chi nhánh. |
|  |  | 5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (Bộ phận Một cửa) văn bản thông báo đã khai trương hoạt động. | Bổ sung để làm cơ sở cho việc xác định thời điểm NHNN chi nhánh cung cấp thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh. |
|  | **Điều 16. Sử dụng Giấy phép**  1. Quỹ tín dụng nhân dân được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung hoạt động quy định trong Giấy phép, không được thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài nội dung, phạm vi hoạt động được ghi trong Giấy phép.  2. Quỹ tín dụng nhân dân không được tẩy xóa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép. | Không quy định | Đã được quy định tại Điều 35 Luật Các TCTD. |
|  |  | **Điều 11. Nguyên tắc cấp đổi Giấy phép**  1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà quỹ tín dụng nhân dân không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi.  2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Giấy phép được cấp đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 thay thế tất cả các Giấy phép, văn bản chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đã cấp cho quỹ tín dụng nhân dân đó trước thời điểm cấp đổi. | Nội dung bổ sung mới được xây dựng trên cơ sở thực trạng Giấy phép đã cấp cho các QTDND và vận dụng phù hợp quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác, làm cơ sở cho việc thực hiện cấp đổi Giấy phép QTDND. |
|  |  | **Điều 12. Hồ sơ, trình tự đề nghị cấp đổi Giấy phép**  1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép:  a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện;  b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có).  2. Trình tự đề nghị cấp đổi Giấy phép:  a) Quỹ tín dụng nhân dân có nhu cầu cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  b) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện việc cấp đổi Giấy phép theo đề nghị cho quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |
|  |  | **Điều 13. Thông báo thông tin về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh**  1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của quỹ tín dụng nhân dân về việc khai trương hoạt động theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định về đăng ký hợp tác xã để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Giấy phép cấp đổi cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định về đăng ký hợp tác xã để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. | Nội dung bổ sung mới để đảm bảo quy định về thông báo thông tin tại khoản 4 Điều 27 Luật Các TCTD. |
|  |  | **Điều 14. Trách nhiệm của Ban trù bị**  1. Lập và gửi hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.  2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị có trách nhiệm:  a) Tổ chức cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;  b) Thông báo cho các thành viên sáng lập gửi tiền vào tài khoản do Ban trù bị mở tại một ngân hàng thương mại Việt Nam.  3. Hướng dẫn thành viên sáng lập thực hiện việc góp vốn và thẩm định hồ sơ của thành viên sáng lập.  4. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác nội dung hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.  5. Thông báo cho các thành viên sáng lập biết lý do không được cấp Giấy phép trong trường hợp không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận. | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của Ban trù bị trong việc thực hiện các công việc liên quan đến đề nghị cấp Giấy phép QTDND. |
|  |  | **Điều 15. Trách nhiệm của Trưởng Ban trù bị**  1. Triệu tập cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên theo quy định của pháp luật.  2. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân cho đến khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép. | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của Trưởng Ban trù bị trong việc thực hiện các công việc liên quan đến đề nghị cấp Giấy phép QTDND. |
|  |  | **Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân**  Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ban trù bị theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên. | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các công việc liên quan đến đề nghị cấp Giấy phép QTDND. |
|  |  | **Điều 17. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân**  1. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này về việc cấp đổi Giấy phép và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.  2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp đổi Giấy phép, quỹ tín dụng nhân dân phải:  a) Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên đài truyền thanh hoặc đài phát thanh xã nơi đặt trụ sở chính trong 03 ngày liên tiếp và đăng trên một tờ báo của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong 03 số liên tiếp về thay đổi của Giấy phép trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp đổi Giấy phép;  b) Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi.  3. Thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Thông tư này. | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của QTDND trong việc thực hiện các quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 52. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**  1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:  a) Đầu mối tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều này;  b) Đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. | **Điều 18. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  Đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của CQTTGSNH trong việc xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai Thông tư. |
|  | 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  a) Quản lý, thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;  b) Thẩm định, cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này và chủ trương của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Thẩm định, chấp thuận danh sách những người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này. Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kết quả việc cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có văn bản lấy ý kiến:  (i) Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;  (ii) Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);  d) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân trong việc thực hiện quy định tại các Điều 46, 47, 47a, 48, 49, 50 và 51 Thông tư này. Định kỳ hằng quý, trong thời hạn 15 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình thực hiện quy định chuyển tiếp của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn cho tới khi hoàn thành việc chuyển tiếp. | **Điều 19. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh**  1. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi lấy ý kiến của:  a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;  b) Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);  Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị.  2. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân:  a) Thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân trước khi chấp thuận nguyên tắc và có văn bản gửi Ban trù bị để xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ;  b) Có văn bản gửi Ban trù bị về việc chấp thuận nguyên tắc hoặc không chấp thuận nguyên tắc (trong đó nêu rõ lý do).  Nội dung văn bản chấp thuận nguyên tắc bao gồm: chấp thuận nguyên tắc thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có văn bản gửi Ban trù bị thông báo văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị trong trường hợp hết thời hạn nộp văn bản bổ sung theo quy định tại Thông tư này mà không nhận được hoặc nhận được các văn bản hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ;  d) Cấp Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân nếu đủ điều kiện và đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này hoặc có văn bản không cấp Giấy phép (trong đó nêu rõ lý do).  3. Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép.  4. Thanh tra, giám sát việc thực hiện của quỹ tín dụng nhân dân sau khi khai trương hoạt động theo Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân.  5. Kiểm tra, chỉ đạo, giám sát quỹ tín dụng nhân dân thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động.  6. Đình chỉ quỹ tín dụng nhân dân khai trương hoạt động trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động.  7. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân. Cấp đổi Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân hoặc có văn bản từ chối không cấp đổi Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân (trong đó nêu rõ lý do). | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của NHNN chi nhánh trong việc thực hiện các quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  | 3. Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam:  a) Hướng dẫn thống nhất trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân việc thiết kế, in ấn Thẻ thành viên theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Thông tư này;  b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu. | **Điều 20. Trách nhiệm của ngân hàng hợp tác xã**  Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu. | Quy định để xác định rõ trách nhiệm của Ngân hàng hợp tác xã trong việc thực hiện các quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  |  | **Điều 21. Điều khoản thi hành**  Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2024. |  |
|  |  | **Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./. |  |